

**TÀI LIỆU ÔN TẬP**  
**XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC VỊ TRÍ Y TẾ**  
**TẠI CƠ SỞ CẢI NGHIỆN MA TUÝ TỈNH TRÀ VINH**

**PHẦN I. KIẾN THỨC CHUNG**

**1. Luật Viên chức năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019**

**Điều 2. Viên chức**

Viên chức là công dân Việt Nam được tuyển dụng theo vị trí việc làm, làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập theo chế độ hợp đồng làm việc, hưởng lương từ quỹ lương của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.

**Điều 4. Hoạt động nghề nghiệp của viên chức**

Hoạt động nghề nghiệp của viên chức là việc thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ có yêu cầu về trình độ, năng lực, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**Điều 5. Các nguyên tắc trong hoạt động nghề nghiệp của viên chức**

1. Tuân thủ pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình thực hiện hoạt động nghề nghiệp.
2. Tận tụy phục vụ nhân dân.
3. Tuân thủ quy trình, quy định chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp và quy tắc ứng xử.
4. Chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền và của nhân dân.

**Điều 7. Vị trí việc làm**

1. Vị trí việc làm là công việc hoặc nhiệm vụ gắn với chức danh nghề nghiệp hoặc chức vụ quản lý tương ứng, là căn cứ xác định số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức để thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Chính phủ quy định nguyên tắc, phương pháp xác định vị trí việc làm, thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định số lượng vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập.

**Điều 9. Đơn vị sự nghiệp công lập và cơ cấu tổ chức quản lý hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập**

1. Đơn vị sự nghiệp công lập là tổ chức do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thành lập theo quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân, cung cấp dịch vụ công, phục vụ quản lý

nhà nước.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập gồm:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ hoàn toàn về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy, nhân sự (sau đây gọi là đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ);

b) Đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ hoàn toàn về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy, nhân sự (sau đây gọi là đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ).

3. Chính phủ quy định chi tiết tiêu chí phân loại đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại khoản 2 Điều này đối với từng lĩnh vực sự nghiệp căn cứ vào khả năng tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy, nhân sự và phạm vi hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Căn cứ điều kiện cụ thể, yêu cầu quản lý đối với mỗi loại hình đơn vị sự nghiệp công lập trong từng lĩnh vực, Chính phủ quy định việc thành lập, cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập, mối quan hệ giữa Hội đồng quản lý với người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập.

#### **Điều 11. Quyền của viên chức về hoạt động nghề nghiệp**

1. Được pháp luật bảo vệ trong hoạt động nghề nghiệp.

2. Được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Được bảo đảm trang bị, thiết bị và các điều kiện làm việc.

4. Được cung cấp thông tin liên quan đến công việc hoặc nhiệm vụ được giao.

5. Được quyết định vấn đề mang tính chuyên môn gắn với công việc hoặc nhiệm vụ được giao.

6. Được quyền từ chối thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ trái với quy định của pháp luật.

7. Được hưởng các quyền khác về hoạt động nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 12. Quyền của viên chức về tiền lương và các chế độ liên quan đến tiền lương**

1. Được trả lương tương xứng với vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp, chức vụ quản lý và kết quả thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ được giao; được hưởng phụ cấp và chính sách ưu đãi trong trường hợp làm việc ở miền núi, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc làm việc trong ngành, nghề có môi trường độc hại, nguy hiểm, lĩnh vực sự nghiệp đặc thù.

2. Được hưởng tiền làm thêm giờ, tiền làm đêm, công tác phí và chế độ

khác theo quy định của pháp luật và quy chế của đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Được hưởng tiền thưởng, được xét nâng lương theo quy định của pháp luật và quy chế của đơn vị sự nghiệp công lập.

### **Điều 13. Quyền của viên chức về nghỉ ngơi**

1. Được nghỉ hàng năm, nghỉ lễ, nghỉ việc riêng theo quy định của pháp luật về lao động. Do yêu cầu công việc, viên chức không sử dụng hoặc sử dụng không hết số ngày nghỉ hàng năm thì được thanh toán một khoản tiền cho những ngày không nghỉ.

2. Viên chức làm việc ở miền núi, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa hoặc trường hợp đặc biệt khác, nếu có yêu cầu, được gộp số ngày nghỉ phép của 02 năm để nghỉ một lần; nếu gộp số ngày nghỉ phép của 03 năm để nghỉ một lần thì phải được sự đồng ý của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Đối với lĩnh vực sự nghiệp đặc thù, viên chức được nghỉ việc và hưởng lương theo quy định của pháp luật.

4. Được nghỉ không hưởng lương trong trường hợp có lý do chính đáng và được sự đồng ý của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập.

### **Điều 14. Quyền của viên chức về hoạt động kinh doanh và làm việc ngoài thời gian quy định**

1. Được hoạt động nghề nghiệp ngoài thời gian làm việc quy định trong hợp đồng làm việc, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Được ký hợp đồng vụ, việc với cơ quan, tổ chức, đơn vị khác mà pháp luật không cấm nhưng phải hoàn thành nhiệm vụ được giao và có sự đồng ý của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Được góp vốn nhưng không tham gia quản lý, điều hành công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã, bệnh viện tư, trường học tư và tổ chức nghiên cứu khoa học tư, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

### **Điều 15. Các quyền khác của viên chức**

Viên chức được khen thưởng, tôn vinh; được tham gia hoạt động kinh tế - xã hội; được hưởng chính sách ưu đãi về nhà ở; được tạo điều kiện học tập, hoạt động nghề nghiệp ở trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật. Trường hợp bị thương hoặc chết do thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ được giao thì được xét hưởng chính sách như thương binh hoặc được xét để công nhận là liệt sĩ theo quy định của pháp luật.

### **Điều 16. Nghĩa vụ chung của viên chức**

1. Chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam và pháp luật của Nhà nước.

2. Có nếp sống lành mạnh, trung thực, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư.

3. Có ý thức tổ chức kỷ luật và trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp; thực hiện đúng các quy định, nội quy, quy chế làm việc của đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Bảo vệ bí mật nhà nước; giữ gìn và bảo vệ của công, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài sản được giao.

5. Tu dưỡng, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp, thực hiện quy tắc ứng xử của viên chức.

### **Điều 17. Nghĩa vụ của viên chức trong hoạt động nghề nghiệp**

1. Thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ được giao bảo đảm yêu cầu về thời gian và chất lượng.

2. Phối hợp tốt với đồng nghiệp trong thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ.

3. Chấp hành sự phân công công tác của người có thẩm quyền.

4. Thường xuyên học tập nâng cao trình độ, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ.

5. Khi phục vụ nhân dân, viên chức phải tuân thủ các quy định sau:

a) Có thái độ lịch sự, tôn trọng nhân dân;

b) Có tinh thần hợp tác, tác phong khiêm tốn;

c) Không hách dịch, cửa quyền, gây khó khăn, phiền hà đối với nhân dân;

d) Chấp hành các quy định về đạo đức nghề nghiệp.

6. Chịu trách nhiệm về việc thực hiện hoạt động nghề nghiệp.

7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 19. Những việc viên chức không được làm**

1. Trốn tránh trách nhiệm, thoái thác công việc hoặc nhiệm vụ được giao; gây bè phái, mất đoàn kết; tự ý bỏ việc; tham gia đình công.

2. Sử dụng tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và của nhân dân trái với quy định của pháp luật.

3. Phân biệt đối xử dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo dưới mọi hình thức.

4. Lợi dụng hoạt động nghề nghiệp để tuyên truyền chống lại chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước hoặc gây phương hại đối với thuần phong, mỹ tục, đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân và xã hội.

5. Xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác trong khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp.

6. Những việc khác viên chức không được làm theo quy định của Luật phòng, chống tham nhũng, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

### **Điều 25. Các loại hợp đồng làm việc**

1. Hợp đồng làm việc xác định thời hạn là hợp đồng mà trong đó hai bên xác định thời hạn, thời điểm chấm dứt hiệu lực của hợp đồng trong khoảng thời gian từ đủ 12 tháng đến 36 tháng. Hợp đồng làm việc xác định thời hạn áp dụng đối với người trúng tuyển vào viên chức, trừ trường hợp quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 58 của Luật này.

2. Hợp đồng làm việc không xác định thời hạn là hợp đồng mà trong đó hai bên không xác định thời hạn, thời điểm chấm dứt hiệu lực của hợp đồng. Hợp đồng làm việc không xác định thời hạn áp dụng đối với trường hợp đã thực hiện xong hợp đồng làm việc xác định thời hạn và trường hợp cán bộ, công chức chuyển thành viên chức theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 58 của Luật này.

### **Điều 27. Chế độ tập sự**

1. Người trúng tuyển viên chức phải thực hiện chế độ tập sự, trừ trường hợp đã có thời gian từ đủ 12 tháng trở lên thực hiện chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm được tuyển dụng.

2. Thời gian tập sự từ 03 tháng đến 12 tháng và phải được quy định trong hợp đồng làm việc.

3. Chính phủ quy định chi tiết chế độ tập sự.

### **Điều 28. Thay đổi nội dung, ký kết tiếp, tạm hoãn và chấm dứt hợp đồng làm việc**

1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng làm việc, nếu một bên có yêu cầu thay đổi nội dung hợp đồng làm việc thì phải báo cho bên kia biết trước ít nhất 03 ngày làm việc. Khi đã chấp thuận thì các bên tiến hành sửa đổi, bổ sung nội dung liên quan của hợp đồng làm việc. Trong thời gian tiến hành thoả thuận, các bên vẫn phải tuân theo hợp đồng làm việc đã ký kết. Trường hợp không thoả thuận được thì các bên tiếp tục thực hiện hợp đồng làm việc đã ký kết hoặc thoả thuận chấm dứt hợp đồng làm việc.

2. Đối với hợp đồng làm việc xác định thời hạn, trước khi hết hạn hợp đồng làm việc 60 ngày, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập căn cứ vào nhu cầu của đơn vị, trên cơ sở đánh giá khả năng hoàn thành nhiệm vụ của viên chức, quyết định ký kết tiếp hoặc chấm dứt hợp đồng làm việc đối với viên chức.

3. Việc tạm hoãn thực hiện hợp đồng làm việc, chấm dứt hợp đồng làm việc được thực hiện theo quy định của pháp luật về lao động.

4. Khi viên chức chuyển công tác đến cơ quan, tổ chức, đơn vị khác thì chấm dứt hợp đồng làm việc và được giải quyết các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

5. Khi viên chức được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm giữ chức vụ được pháp luật quy định là công chức tại đơn vị sự nghiệp công lập hoặc có quyết định nghỉ hưu thì hợp đồng làm việc đương nhiên chấm dứt.

## **Điều 29. Đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc**

1. Đơn vị sự nghiệp công lập được đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc với viên chức trong các trường hợp sau:

a) Viên chức có 02 năm liên tiếp bị phân loại đánh giá ở mức độ không hoàn thành nhiệm vụ;

b) Viên chức bị buộc thôi việc theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 52 và khoản 1 Điều 57 của Luật này;

c) Viên chức làm việc theo hợp đồng làm việc không xác định thời hạn bị ốm đau đã điều trị 12 tháng liên tục, viên chức làm việc theo hợp đồng làm việc xác định thời hạn bị ốm đau đã điều trị 06 tháng liên tục mà khả năng làm việc chưa hồi phục. Khi sức khỏe của viên chức bình phục thì được xem xét để ký kết tiếp hợp đồng làm việc;

d) Do thiên tai, hỏa hoạn hoặc những lý do bất khả kháng khác theo quy định của Chính phủ làm cho đơn vị sự nghiệp công lập buộc phải thu hẹp quy mô, khiến vị trí việc làm mà viên chức đang đảm nhận không còn;

đ) Khi đơn vị sự nghiệp công lập chấm dứt hoạt động theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Khi đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập phải báo cho viên chức biết trước ít nhất 45 ngày đối với hợp đồng làm việc không xác định thời hạn hoặc ít nhất 30 ngày đối với hợp đồng làm việc xác định thời hạn. Đối với viên chức do cơ quan quản lý đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện tuyển dụng, việc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc do người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định sau khi có sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan quản lý đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập không được đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc với viên chức trong các trường hợp sau:

a) Viên chức ốm đau hoặc bị tai nạn, đang điều trị bệnh nghề nghiệp theo quyết định của cơ sở chữa bệnh, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;

b) Viên chức đang nghỉ hàng năm, nghỉ về việc riêng và những trường hợp nghỉ khác được người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập cho phép;

c) Viên chức nữ đang trong thời gian có thai, nghỉ thai sản, nuôi con dưới 36 tháng tuổi, trừ trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập chấm dứt hoạt động.

4. Viên chức làm việc theo hợp đồng làm việc không xác định thời hạn có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản cho người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập biết trước ít nhất 45 ngày; trường hợp viên chức ốm đau hoặc bị tai nạn đã điều trị 06 tháng liên tục thì phải báo trước ít nhất 03 ngày.

5. Viên chức làm việc theo hợp đồng làm việc xác định thời hạn có quyền

đơn phương chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp sau:

a) Không được bố trí theo đúng vị trí việc làm, địa điểm làm việc hoặc không được bảo đảm các điều kiện làm việc đã thỏa thuận trong hợp đồng làm việc;

b) Không được trả lương đầy đủ hoặc không được trả lương đúng thời hạn theo hợp đồng làm việc;

c) Bị ngược đãi; bị cưỡng bức lao động;

d) Bản thân hoặc gia đình thật sự có hoàn cảnh khó khăn không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng;

đ) Viên chức nữ có thai phải nghỉ việc theo chỉ định của cơ sở chữa bệnh;

e) Viên chức ốm đau hoặc bị tai nạn đã điều trị từ 03 tháng liên tục mà khả năng làm việc chưa hồi phục.

6. Viên chức phải thông báo bằng văn bản về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc cho người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập biết trước ít nhất 03 ngày đối với các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, đ và e khoản 5 Điều này; ít nhất 30 ngày đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 5 Điều này.

#### **Điều 41. Nội dung đánh giá viên chức (Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019)**

1. Việc đánh giá viên chức được xem xét theo các nội dung sau đây:

a) Chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, quy định của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

b) Kết quả thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ theo hợp đồng làm việc đã ký kết, theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc cụ thể được giao; tiến độ, chất lượng thực hiện nhiệm vụ. Việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phải gắn với vị trí việc làm, thể hiện thông qua công việc, sản phẩm cụ thể;

c) Việc thực hiện quy định về đạo đức nghề nghiệp;

d) Tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ nhân dân, tinh thần hợp tác với đồng nghiệp và việc thực hiện quy tắc ứng xử của viên chức;

đ) Việc thực hiện các nghĩa vụ khác của viên chức.

2. Ngoài các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, viên chức quản lý còn được đánh giá theo các nội dung sau đây:

a) Năng lực quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ;

b) Kế hoạch làm việc theo năm, quý, tháng và kết quả hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý; việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của cá nhân phải gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp phụ trách. Mức xếp loại chất lượng của cá nhân không cao hơn mức xếp loại chất lượng của cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp phụ trách.

### 3. Việc đánh giá viên chức được thực hiện như sau:

a) Đánh giá hàng năm; đánh giá trước khi kết thúc thời gian tập sự, ký kết tiếp hợp đồng làm việc, thay đổi vị trí việc làm; đánh giá trước khi xét khen thưởng, kỷ luật, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, quy hoạch;

b) Căn cứ vào đặc thù công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức ban hành hoặc giao người đứng đầu cơ quan, tổ chức trực tiếp sử dụng viên chức ban hành quy định đánh giá viên chức theo quý, tháng hoặc tuần phù hợp với đặc thù công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình, bảo đảm công khai, dân chủ, khách quan, định lượng bằng kết quả, sản phẩm cụ thể; kết quả đánh giá là căn cứ để thực hiện đánh giá viên chức quy định tại điểm a khoản này.

## **2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ sở cai nghiện ma túy**

### **2.1. Vị trí và chức năng của Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Trà Vinh**

- Tổ chức cai nghiện ma túy cho người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc theo Luật Xử lý vi phạm hành chính, người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi bị áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc theo Luật Phòng, chống ma túy.

- Quản lý người nghiện ma túy đang trong thời gian lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Luật Phòng, chống ma túy.

- Cung cấp các dịch vụ cai nghiện ma túy đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện.

- Thực hiện việc xác định tình trạng nghiện ma túy.

### **2.2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Trà Vinh**

1. Tổ chức cai nghiện ma túy cho người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc tại cơ sở:

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện quy trình cai nghiện ma túy theo quy định của pháp luật đối với người cai nghiện bắt buộc và quy trình cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện;

b) Tiếp nhận, phân loại đối tượng; tư vấn, xây dựng kế hoạch cai nghiện cho người cai nghiện ma túy;

c) Tổ chức các hoạt động điều trị cắt cơn, giải độc, điều trị các rối loạn tâm thần, điều trị các bệnh lý khác, hỗ trợ phục hồi sức khỏe thể chất, tâm thần và các chức năng khác cho người cai nghiện ma túy;

d) Triển khai các hoạt động giáo dục, tư vấn, trị liệu, phục hồi chức năng về hành vi, nhân cách và các rối loạn khác đối với người cai nghiện ma túy;

đ) Tổ chức các hoạt động lao động trị liệu, dạy nghề hoặc phối hợp các trung tâm hoặc cơ sở đủ điều kiện tổ chức dạy văn hóa, dạy nghề cho người cai nghiện theo quy định của pháp luật, gắn với việc thực hiện các dự án việc làm, giảm nghèo, các chương trình kinh tế - xã hội khác phù hợp với điều kiện, cơ



cầu kinh tế đặc thù của địa phương; hướng nghiệp cho người sau cai nghiện tìm việc làm, tạo việc làm, thích nghi với đời sống xã hội khi trở về cộng đồng;

e) Tổ chức lớp học văn hóa cho người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

g) Kết nối, tư vấn tuyên truyền, vận động người sau cai nghiện tham gia chương trình quản lý sau cai nghiện phù hợp để được hỗ trợ về sinh kế và các hỗ trợ xã hội khác; hướng dẫn, tư vấn cho gia đình người sau cai nghiện về quản lý, giáo dục người sau cai nghiện tại gia đình và cộng đồng;

h) Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch cai nghiện theo các mục tiêu; đánh giá tình trạng sức khỏe thể chất, tâm thần của người cai nghiện ma túy; trang bị kiến thức, kỹ năng cần thiết giúp người cai nghiện tái hoà nhập cộng đồng.

2. Quản lý người nghiện ma túy đang trong thời gian lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Phòng, chống ma túy:

a) Tiếp nhận, quản lý người nghiện ma túy đang trong thời gian lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

b) Tổ chức điều trị hội chứng cai, điều trị rối loạn tâm thần và các bệnh khác;

c) Thực hiện các hoạt động giáo dục, tư vấn cho người đang trong thời gian lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

3. Thực hiện việc xác định tình trạng nghiện theo đề nghị của cơ quan lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

4. Thực hiện các hoạt động cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy đối với người tự nguyện cai nghiện:

a) Tiếp nhận, phân loại, tư vấn xây dựng kế hoạch cai nghiện ma túy theo quy trình và các dịch vụ cai nghiện ma túy tại cơ sở;

b) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ xác định tình trạng nghiện ma túy, cai nghiện ma túy tại cơ sở và tại cộng đồng;

c) Kết nối, tư vấn hỗ trợ chuyên môn, kỹ thuật về cai nghiện ma túy cho đơn vị, cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng; phối hợp với các cơ quan liên quan tuyên truyền, vận động người sử dụng, người nghiện ma túy tham gia chương trình can thiệp, điều trị, cai nghiện phù hợp.

5. Tư vấn các biện pháp quản lý sau cai tại nơi cư trú, biện pháp phòng, chống tái nghiện và các chính sách hỗ trợ hòa nhập cộng đồng; kết nối, tư vấn các dịch vụ hỗ trợ tại cộng đồng đối với người sau cai nghiện ma túy.

6. Tổ chức quản lý, chăm sóc, tư vấn điều trị cho người cai nghiện ma túy nhiễm HIV/AIDS; thông tin, giáo dục, truyền thông và triển khai các biện pháp dự phòng lây nhiễm HIV/AIDS tại cơ sở.

7. Cử viên chức và người lao động của cơ sở tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ về xác định tình trạng nghiện ma túy, cai nghiện ma túy; phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan tập huấn, bồi dưỡng cập nhật kiến thức chuyên môn nghiệp vụ về tư vấn, cai nghiện ma túy cho người làm công tác cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng theo quy định của cấp có thẩm quyền tại địa phương.

8. Phối hợp các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước trong việc nghiên cứu, tham gia nghiên cứu, tổ chức thực nghiệm các mô hình, phương pháp điều trị, cai nghiện, phục hồi hành vi, nhân cách cho người nghiện ma túy và các hoạt động lao động, lao động trị liệu theo quy định của pháp luật.

9. Tổ chức quản lý, bảo vệ môi trường tại cơ sở cai nghiện ma túy và địa bàn trú đóng; lồng ghép việc thực hiện các nhiệm vụ về bảo vệ môi trường với các chương trình, kế hoạch và hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy; thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh tại cơ sở theo quy định.

10. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan ở địa phương tổ chức quản lý, bảo vệ, gìn giữ trật tự, an toàn tại cơ sở và địa bàn trú đóng; phòng, chống thâm lậu ma túy vào cơ sở.

11. Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo; xây dựng, tổng hợp, cung cấp thông tin, cơ sở dữ liệu về cai nghiện ma túy theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện quản lý nhân lực, tài chính, tài sản theo phân cấp và theo quy định của pháp luật.

13. Tổ chức, cung cấp các dịch vụ phục vụ sinh hoạt hàng ngày cho người cai nghiện ma túy và hoạt động thăm gặp người thân của người cai nghiện ma túy.

14. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao.

## PHẦN II. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH

### **I. Xét nghiệm nước tiểu tìm ma túy**

#### **1. Các phương pháp xét nghiệm**

- Các phương pháp phổ biến nhất kiểm tra chất gây nghiện trong cơ thể người bệnh bao gồm: xét nghiệm nước tiểu, xét nghiệm máu, xét nghiệm nước bọt và xét nghiệm tóc. Mỗi phương pháp đều có những ưu và khuyết điểm khác nhau.

- Các phương pháp sắc ký khí/ khối phổ (GC/MS) rất chính xác và có thể phát hiện từng loại chất gây nghiện đặc hiệu trong bất kỳ nhóm nào nhưng không thực tế trong thực hành bởi vì giá thành đắt và mất nhiều thời gian.

- Các bộ sàng lọc sử dụng ở các phòng khám bằng kỹ thuật xét nghiệm miễn dịch rẻ tiền hơn nhưng có thể dương tính giả hoặc âm tính giả khi mẫu bị gian lận.

#### **2. Xét nghiệm nước tiểu phát hiện chất ma túy**

- Xét nghiệm nước tiểu đã trở thành một tiêu chuẩn phổ biến, bởi vì giá thành rẻ, bộ xét nghiệm đơn giản, dễ mua được, không cần lấy máu tĩnh mạch. Nước tiểu trong bàng quang tích lũy các hợp chất bài tiết theo thời gian, do đó xét nghiệm có thể dương tính đối với các hợp chất đã ra khỏi tuần hoàn.

- Nhược điểm của xét nghiệm nước tiểu là mẫu nước tiểu có thể bị đánh tráo và các hình thức giả mạo khác. Trong thực hành, việc lấy mẫu nước tiểu là thêm việc cho nhân viên, nghĩa là phải quan sát việc lấy nước tiểu qua gương một chiều hoặc qua quan sát trực tiếp.

- Phần lớn các xét nghiệm nhanh để phát hiện Heroine qua sự hiện diện của Morphine là sản phẩm chuyển hóa chính của Heroine. 6-Acetylmorphine phân hủy quá nhanh để sử dụng như là một chỉ điểm của Heroine.

#### **3. Thông tin chung về xét nghiệm nước tiểu phát hiện chất gây nghiện**

- **Bộ dụng cụ xét nghiệm được nhiều nhóm chất gây nghiện là tốt nhất**, phát hiện được các chất dạng thuốc phiện, các chất kích thích thuộc ma túy tổng hợp ...

- **Xét nghiệm nước tiểu phát hiện chất gây nghiện** nên được kết hợp với các biện pháp khác để phát hiện những hành vi gian dối về sử dụng chất gây nghiện (ví dụ: đếm số viên thuốc, phỏng vấn gia đình/người chăm sóc, hồ sơ điều trị, các chương trình kiểm soát thuốc kê đơn).

- **Pha trộn mẫu nước tiểu sẽ đưa đến kết quả sai**. Chúng ta cần phải lấy mẫu nước tiểu khác nếu nghi ngờ có pha trộn mẫu nước tiểu. Có thể kiểm tra các chỉ số khác của mẫu nước tiểu, chẳng hạn pH, tỉ trọng, và/hoặc mức creatinin để phát hiện việc gian lận mẫu nước tiểu.

- **Độc kết quả xét nghiệm nước tiểu** phát hiện chất gây nghiện cần phải cân nhắc yếu tố nồng độ nước tiểu có thể thay đổi rất lớn tùy thuộc vào lượng dịch uống vào và những biến đổi sinh học khác.

- **Âm tính giả:** Âm tính giả là kết quả xét nghiệm âm tính trong khi thực sự hiện diện của chất gây nghiện. Các xét nghiệm có độ nhạy khác nhau và có những giới hạn ngưỡng mà nếu nồng độ ở dưới ngưỡng sẽ cho kết quả âm tính như: Lượng máu quá ít, nước tiểu bị pha loãng, do uống nước quá nhiều (hoặc thêm nước vào mẫu) và các chất che khuất được thêm vào để giả mạo đều có thể tạo ra kết quả âm tính giả.

- **Dương tính giả:** Những tình huống này liên quan đến mẫu dương tính đối với một chất lạm dụng trong khi thuốc đó thực sự không hiện diện. Kết quả dương tính giả thường do các thuốc khác có trong cơ thể hoặc do có sự pha trộn thêm vào mẫu nước tiểu. Thông tin do các nhà sản xuất cung cấp sẽ cho biết những trường hợp dương tính giả trong những kỹ thuật xét nghiệm cụ thể.

- **Kết quả dương tính:** Chỉ nói lên sự hiện diện của chất gây nghiện trong mẫu nước tiểu, nó không cho chúng ta biết lượng thuốc đã sử dụng, tần suất sử dụng thuốc, hoặc mức độ lệ thuộc thực thể hoặc tâm lý. Kết quả dương tính không phải là 1 thước đo cho mức độ nặng hay nhẹ và mức độ của sự lệ thuộc.

- **Kết quả âm tính:** Có thể do không sử dụng hay có gian lận mẫu nước tiểu.

#### 4. Giai đoạn phát hiện

- Các chất gây nghiện tác động ngắn như rượu hoặc benzodiazepines tác động ngắn sẽ cho kết quả dương tính chỉ trong vài giờ.

- Các loại chất gây nghiện tác động kéo dài sẽ cho kết quả dương tính trong khoảng thời gian dài hơn. Tuy vậy, liều lượng thuốc và gần đây sử dụng thuốc như thế nào sẽ tạo ra một sự khác biệt rất lớn.

- Methadone và buprenorphine là những chất dạng thuốc phiện tổng hợp mà sẽ không cho kết quả dương tính với xét nghiệm phát hiện chất dạng thuốc phiện dựa trên sự phát hiện chất chuyển hóa là Morphine.

#### 5. Thời gian phát hiện chất dạng thuốc phiện (Nguồn từ SAMHSA)

Những liều cao hơn và một số bệnh lý có thể kéo dài thời gian cửa sổ phát hiện:

Stt	Chất gây nghiện	Thời gian phát hiện
1	Rượu	07 – 12 giờ
2	Chất dạng thuốc phiện	
	Codeine	48 giờ
	Heroin	02 – 04 ngày

	Morphine	48 – 72 giờ
	Methadone	03 ngày
	Hydromorphone	02 – 04 ngày
	Oxycodone	02 – 04 ngày
	Propoxyphene	06 – 48 giờ
3	<b>Amphetamine</b>	<b>48 giờ</b>
4	<b>Methamphetamine</b>	<b>48 giờ</b>
5	<b>Benzodiazepine</b> Tác động ngắn ngắn (Lorazepam) Tác động kéo dài dài (Diazepam)	03 ngày 30 ngày
6	<b>Cocaine</b>	02 – 04 ngày
7	<b>Cần sa</b> Dùng 1 lần duy nhất Tần suất dùng trung bình (4 lần/tuần) Dùng hàng ngày Dùng nhiều trong thời gian dài	03 ngày 05 – 07 ngày 10 – 15 ngày > 30 ngày

<b>Chất gây nghiện</b>	<b>Cách thức sử dụng</b>	<b>Δt đạt nồng độ đỉnh sau khi sử dụng</b>	<b>Δt phát hiện trong nước tiểu sau khi sử dụng</b>	<b>Δt tồn tại trong nước tiểu sau dùng liều cuối</b>
<b>THC (Cần sa – Marijuana)</b> ( $\Delta^9$ –Tetra Hydro Cannabinol)	Hút, uống	90 - 120 phút	Vài giờ sau khi hút	3–10 ngày
<b>Morphine/Heroine</b>	Hút, uống, TTM, TB	3 – 6 giờ		3 – 7 ngày
<b>Methadone</b>	Uống, tiêm	3 – 4 giờ		3 – 4 ngày
<b>MET (Ma túy đá)</b>			3 giờ	36 –72 giờ
<b>MDMA (Thuốc lắc)</b>	Uống, TTM	1 – 3 giờ		3 ngày

## 6. Xử lý lâm sàng trong trường hợp xét nghiệm nước tiểu dương tính với chất gây nghiện dạng thuốc phiện:

- Chúng ta thường gặp các trường hợp người bệnh bác bỏ kết quả dương tính nếu kết quả sẽ dẫn đến hậu quả không tốt. Người bệnh có thể bác bỏ việc sử dụng chất gây nghiện bất hợp pháp là nguyên nhân làm kết quả xét nghiệm dương tính và đổ lỗi cho sai sót của nhân tên, nhầm tên hoặc sai sót trong khi làm xét nghiệm.

- Tuy nhiên, đôi khi, chúng ta cũng gặp các trường hợp dương tính giả với lý do chính đáng. Thường gặp nhất là trường hợp người bệnh uống một loại thuốc giảm đau thuộc nhóm chất dạng thuốc phiện yếu sau tai nạn hoặc chấn thương nhẹ.

- Nếu một người bệnh nhiều lần phủ nhận việc sử dụng chất dạng thuốc phiện và yêu cầu được làm lại xét nghiệm, chúng ta cần thay đổi quy trình xét nghiệm đối với người bệnh này. Lấy một mẫu, chia ra phần A và phần B. Xét nghiệm phần A và bảo quản phần B trong tủ lạnh ít nhất 1 hoặc 2 ngày. Sau đó xét nghiệm lại phần B gần như là thực hiện xét nghiệm cùng một mẫu. Nếu kết quả vẫn dương tính và người bệnh vẫn tiếp tục bác bỏ việc sử dụng chất gây nghiện bất hợp pháp, chúng ta cần hỏi người bệnh về việc sử dụng các thuốc có thể gây ra dương tính giả trong thời gian gần đây (*Không gợi ý cho người bệnh về những thuốc có thể là nguyên nhân*). Chúng ta chỉ cần hỏi một cách đơn giản về các thuốc sử dụng được kê đơn và thuốc không cần kê đơn. Cần tham khảo thông tin của nhà sản xuất về các kết quả dương tính giả của các bộ xét nghiệm để biết những thuốc nào có thể gây ra dương tính giả.

## 7. Lấy mẫu nước tiểu

- Để tránh việc thay thế hoặc giả mạo nước tiểu, tất cả trường hợp lấy nước tiểu phải được quan sát trực tiếp. Chúng ta có thể quan sát qua gương 1 chiều, nếu có, thì tốt hơn cho người bệnh so với quan sát trực tiếp.

- Chúng ta cần đảm bảo tính riêng tư của người bệnh trong quá trình lấy mẫu nước tiểu (nghĩa là cửa ra vào phía ngoài phải được đóng để tránh người khác có thể nhìn thấy quá trình lấy mẫu nước tiểu này).

### - Kiểm tra chất lượng mẫu:

+ **Quan sát trực tiếp:** Đây là phương pháp lấy mẫu nước tiểu tốt nhất để đảm bảo giá trị của mẫu nước tiểu.

+ **Nhiệt độ:** Những mẫu nước tiểu vừa lấy sẽ ấm và nhiệt độ gần tương đương nhiệt độ cơ thể. Mẫu nước tiểu bị đánh tráo sẽ lạnh hơn.

+ **pH:** pH của nước tiểu bình thường có độ dao động trong ngày, nằm trong khoảng 4.5 và 9.0. Những mẫu nước tiểu có pH ngoài giới hạn này sẽ được coi là không có giá trị. Mẫu nước tiểu bị nghi pha trộn nếu pH thấp hơn 3.0 hoặc cao hơn 11.0

+ **Tỷ trọng:** Tỷ trọng nước tiểu là một thước đo nồng độ các phân tử trong nước tiểu. Những mẫu nước tiểu có tỉ trọng thấp có thể được coi là đã bị pha loãng và không có giá trị.

+ **Creatinine:** Creatinine là một thành phần gặp trong nước tiểu với nồng độ cao hơn hoặc xấp xỉ 20mg/dl. Chúng ta cần kiểm tra tỷ trọng mẫu nước tiểu nếu chỉ số creatinine thấp hơn 20 mg/dl.

**- Lưu ý khi lấy mẫu nước tiểu:**

Một số điểm sau đây có thể sẽ hạn chế hoặc không xảy ra sự đánh tráo và pha trộn nước tiểu:

1. Khóa nguồn nước trong khu vực lấy nước tiểu.
2. Nhuộm xanh nước dùng trong bồn cầu. Không để xà phòng và không để hóa chất vệ sinh trong phòng lấy nước tiểu.
3. Để áo khoác, ví và túi xách ở bên ngoài
4. Người lấy mẫu nên quan sát trực tiếp việc đi tiểu: qua gương 1 chiều hoặc đứng cạnh người bệnh để quan sát.
5. Mẫu cần được xác định ngay:
  - a. Kiểm tra bằng mắt thường độ trong suốt, những tinh thể không hòa tan, độ vẩn đục, có nhiều bọt (điều này chỉ ra rằng có thể có việc cho thêm vào xà phòng hoặc thuốc tẩy vào mẫu nước tiểu)
  - b. Tỷ trọng  $>1.003$ , pH = 3-11
  - c. Creatinine (nếu có thể xét nghiệm)  $\geq 20$  ppm

**8. Những phương pháp giả mạo nước tiểu**

Có rất nhiều cách thức giả mạo kết quả xét nghiệm nước tiểu tìm chất gây nghiện. Việc giả mạo liên quan đến những cách thức được dùng để làm sai kết quả kiểm tra nhằm che đậy sự hiện diện của thuốc. Nồng độ thuốc trong nước tiểu rất thay đổi. Nồng độ thuốc trong nước tiểu có thể bị tác động tùy theo lượng thuốc sử dụng, thời gian, chuyển hóa, lượng mỡ trong cơ thể, và nồng độ nước tiểu.

- **Pha loãng bên trong cơ thể:** Uống nhiều nước hoặc uống một loại thuốc lợi tiểu đơn thuần nào đó làm loãng nước tiểu và trong một số trường hợp giảm nồng độ của chất gây nghiện cần kiểm tra dưới ngưỡng của xét nghiệm. Điều này có thể được phát hiện bởi tỉ trọng nước tiểu thấp bất thường và nồng độ creatinine thấp bất thường.

- **Sự pha trộn bên trong cơ thể:** Điều này liên quan đến việc uống một hóa chất trước khi đi tiểu. Những sản phẩm này có thể bao gồm riboflavin, creatinine, và thuốc lợi tiểu.

- **Đánh tráo nước tiểu:** Thông thường một mẫu nước tiểu “sạch” được dùng để thay thế (thường lấy của trẻ em hoặc bạn bè). Chúng ta có thể phát hiện

gian lận này bằng cách kiểm tra mẫu ngay lập tức để xem nhiệt độ của mẫu có gần bằng với nhiệt độ cơ thể không.

- **Pha trộn nước tiểu:** Người bệnh có thể bỏ chất phụ gia vào mẫu nước tiểu sau khi đi tiểu. Nhiều hợp chất rất có hiệu lực để che đậy sự hiện diện của một số chất gây nghiện. Các hợp chất thường được dùng bao gồm thuốc tẩy trắng gia dụng, giấm, chất làm thông đường ống (sodium hydroxide), thuốc tẩy/xà phòng, ammonia, và muối ăn. Đây là lý do mà bồn cầu trong khu vực lấy mẫu nước tiểu nên cần dùng dung dịch màu xanh và không để xà phòng, ammonia, hoặc hóa chất vệ sinh trong khu vực này.

## **II. Tìm hiểu các chất ma túy bằng que thử tổng hợp**

### **1. Que thử tổng hợp 4 chân tìm chất ma túy.**

- Hãng sản xuất: Abon Biopharm. Xuất xứ hãng: Acon Labs Inc., USA + Alere Inc., USA. Nơi sản xuất: China. Tiêu chuẩn: FDA, ISO.

- Test thử nhanh ma túy tổng hợp giúp phát hiện và sàng lọc đối tượng sử dụng ma túy một cách an toàn, hiệu quả và nhanh nhất.

Que thử an toàn, dễ sử dụng, phát hiện chính xác cùng lúc 04 chất ma túy: Ma túy đá, cần sa (cỏ, tài mà), thuốc lắc, thuốc phiện (Heroin, Morphine).

### **2. Hướng dẫn sử dụng.**

Để đạt kết quả tốt nhất, toàn bộ quá trình xét nghiệm phải được hoàn thành trong vòng 1 giờ kể từ khi mở túi đựng sản phẩm.

#### ***Các bước tiến hành xét nghiệm được thực hiện như sau:***

a) Lấy khoảng 10ml nước tiểu đựng vào cốc nhựa hoặc cốc thủy tinh sạch. Để que thử và mẫu nước tiểu ở nhiệt độ phòng (15 – 30°C) trước khi làm xét nghiệm.

b) Xé bỏ bao, lấy que thử ra ngoài (chú ý chỉ lấy que ra trước khi thử). Tháo nắp nhựa đậy các chân của que thử ra.

c) Cầm que thử sao cho mũi tên trên que hướng xuống, nhúng đầu que thử có mũi tên vào cốc nước tiểu (chỉ nhúng ngập đến vạch có mũi tên), đếm từ 1 đến 30 (*hoặc ngâm ít nhất 10 – 15 giây*). Tiếp theo, lấy que thử ra rồi đặt trên mặt phẳng nằm ngang không hút nước và bắt đầu tính thời gian (*khoảng 3 – 5 phút*).

d) Chờ cho đến khi các vạch đỏ xuất hiện trên ô kết quả của que thử. Chỉ đọc kết quả trong vòng 5 phút, không sử dụng kết quả sau 10 phút.

#### **đ) Cách đọc kết quả:**

- Đọc kết quả riêng đôi với mỗi chất gây nghiện tại ô kết quả tương ứng với chất gây nghiện đó trên que thử.

- Đọc các chân theo thứ tự 1, 2, 3, 4 đếm từ trái sang phải:

Chân số 1: MET – Methamphetamin (Ma túy đá)



Chân số 2: THC (Cần sa – Tài mà)

Chân số 3: MDMA (Thuốc lắc)

Chân số 4: MOP – Chất ma túy dạng thuốc phiện (Heroin, Morphine)

#### **- Kết quả:**

+ **Âm tính:** Nếu trong ô kết quả xuất hiện hai vạch đỏ rõ rệt: một ở vùng chứng gọi là vạch chứng (C) còn vạch kia ở vùng kết quả gọi là vạch kết quả (T). Kết luận là không sử dụng chất gây nghiện này.

+ **Dương tính:** Nếu trong ô kết quả chỉ xuất hiện một vạch chứng (C), không thấy xuất hiện vạch kết quả (T) dù đậm hay mờ. Kết luận là có sử dụng chất gây nghiện này.

+ **Kết quả không có giá trị:** Nếu trong ô kết quả không thấy xuất hiện vạch chứng (C). Nguyên nhân thường gặp là do lượng mẫu phẩm không đủ hoặc thao tác xét nghiệm sai. Đọc lại hướng dẫn và làm lại xét nghiệm bằng kit thử mới khác.

#### **Chú ý:**

a. Độ đậm màu đỏ của vạch kết quả (T) có thể khác nhau. Tuy nhiên, bất cứ độ mờ nào ở vạch kết quả (T) cũng đều được coi là âm tính.

b. Để đạt được kết quả chính xác nhất: quá trình lấy mẫu nước tiểu phải được giám sát chặt chẽ, mẫu thử không được pha loãng hoặc pha với bất cứ chất nào khác. Nước tiểu nên lấy ngay sau khi vừa ngủ dậy.

c. Sau khi lấy nếu chưa thử ngay, phải bảo quản ở ngăn mát tủ lạnh.

### **III. Nghiệm pháp Naloxone**

#### **1. Tiến hành làm Test Naloxone như sau:**

- Tiêm tĩnh mạch 0,2mg Naloxone chlohydrate và theo dõi sau 2 -3 phút. Nếu có Hội chứng cai → Test Naloxone dương tính.

- Nếu sau 2-3 phút không có hội chứng cai, tiêm tiếp 0,6 mg và theo dõi tiếp trong 30 phút, nếu có Hội chứng cai → Test Naloxone dương tính.

- Nếu sau 30 phút không có hội chứng cai và nếu vẫn còn nghi ngờ có thể tiêm tiếp 1,6 mg Naloxone chlohydrate, nếu vẫn không có hội chứng cai sau 30 phút có thể khẳng định bệnh nhân không nghiện CDTP.

**2. Nghiệm pháp Naloxone chỉ được thực hiện tại bệnh viện tuyến huyện trở lên (nếu đủ điều kiện).**

#### **3. Về tiêu chuẩn chẩn đoán nghiện ma túy nhóm Opiats (CDTP).**

##### **3.1. Tiêu chuẩn lâm sàng:**

Theo Bảng phân loại quốc tế bệnh tật lần thứ 10 (ICD-10) năm 1992 của Tổ chức Y tế thế giới: Chẩn đoán xác định nghiện ma túy nhóm Opiats khi có đủ tối thiểu 3 trong 6 nhóm triệu chứng sau đây đã được biểu hiện vào một lúc nào đó trong vòng 12 tháng trở lại đây:

a) Thèm muốn mạnh mẽ hoặc cảm thấy buộc phải sử dụng ma túy nhóm Opiats.

b) Khó khăn trong việc kiểm tra thói quen sử dụng ma túy nhóm Opiats như thời gian bắt đầu, kết thúc hoặc liều lượng sử dụng.

c) Xuất hiện hội chứng cai ma túy nhóm Opiats khi ngừng hoặc giảm đáng kể liều lượng ma túy nhóm Opiats đang sử dụng hoặc phải dùng lại ma túy nhóm Opiats để làm giảm nhẹ triệu chứng hoặc làm mất hội chứng cai ma túy nhóm Opiats.

d) Có khuynh hướng tăng liều để chấm dứt hậu quả do liều thấp gây ra.

đ) Sao nhãng các thú vui, sở thích, công việc trước đây bằng việc tìm kiếm và sử dụng ma túy nhóm Opiats.

e) Tiếp tục sử dụng ma túy nhóm Opiats mặc dù biết tác hại, thậm chí đã có bằng chứng rõ ràng về tác hại của ma túy nhóm Opiats đối với bản thân gia đình và xã hội.

### **3.2. Tiêu chuẩn xét nghiệm:**

Phải xác định được sự có mặt của ma túy nhóm Opiats trong nước tiểu. Có thể xét nghiệm nước tiểu tìm ma túy nhóm Opiats bằng một trong các phương pháp sau:

a) Test nhanh (thường sử dụng để sàng lọc)

b) Sắc ký lớp mỏng

c) Sắc ký khí

d) Sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC)

### **4. Hướng dẫn chẩn đoán người nghiện ma túy nhóm Opiats (CDTP)**

Quá trình khám để kết luận người nghiện ma túy nhóm Opiats, có thể gặp một trong các trường hợp sau:

- *Trường hợp thứ nhất:*

a) Tiêu chuẩn lâm sàng (3 trong 6 nhóm triệu chứng): **Đủ**

b) Tiêu chuẩn xét nghiệm: **Dương tính**

—> **Kết luận: Nghiện ma túy nhóm Opiats**

- *Trường hợp thứ hai:*

a) Tiêu chuẩn lâm sàng (3 trong 6 nhóm triệu chứng): **Đủ**

b) Tiêu chuẩn xét nghiệm: **Âm tính**

Trường hợp này cần làm nghiệm pháp Naloxone:

+ Nếu kết quả nghiệm pháp Naloxone (+): Kết luận nghiện ma túy nhóm Opiats

+ Nếu kết quả nghiệm pháp Naloxone (-): Không nghiện ma túy nhóm Opiats.

- Trường hợp thứ ba:

a) Tiêu chuẩn lâm sàng (3 trong 6 nhóm triệu chứng): **Không đủ**

b) Tiêu chuẩn xét nghiệm: **Âm tính**

—> **Kết luận: Không nghiện ma túy nhóm Opiats**

- Trường hợp thứ tư:

a) Tiêu chuẩn lâm sàng: **Không đủ**

b) Tiêu chuẩn xét nghiệm: **Nghi ngờ (±)**

Trường hợp này cần làm nghiệm pháp Naloxone:

- Nếu kết quả nghiệm pháp Naloxone (+): Kết luận nghiện ma túy nhóm Opiats

- Nếu kết quả nghiệm pháp Naloxone (-): Không nghiện ma túy nhóm Opiats

#### **5. Các lưu ý trong hướng dẫn chẩn đoán người nghiện ma túy nhóm Opiats:**

- Chỉ được sử dụng các test nhanh phát hiện nhóm Opiats trong nước tiểu đã được kiểm định và cấp phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- **Khi xét nghiệm nước tiểu dương tính (+) nhưng nghiệm pháp Naloxone âm tính (-):** có thể đó là dương tính giả hoặc đương sự có sử dụng một loại thuốc có dẫn xuất dạng thuốc phiện để chữa bệnh như Terpin codein, Opizoid (viên rửa),... (để biết rõ, cần hỏi thêm trong 1-2 ngày nay họ có sử dụng những loại thuốc gì để xác định đó có phải là thuốc có dẫn xuất của nhóm Opiats hay không.

- Khi lấy mẫu nước tiểu để xét nghiệm tìm chất ma túy nhóm Opiat trong nước tiểu, phải lấy dưới sự giám sát chặt chẽ của nhân viên để tránh việc đánh tráo mẫu nước tiểu.

- Nghiệm pháp Naloxone chỉ được thực hiện tại bệnh viện tuyến huyện trở lên (nếu đủ điều kiện).

#### **IV. Xác định tình trạng nghiện ma túy**

1. Tiêu chuẩn chẩn đoán tình trạng nghiện ma túy bao gồm 06 tiêu chuẩn sau đây:

a) Tiêu chuẩn 1: Ham muốn mạnh mẽ hoặc cảm giác bắt buộc phải sử dụng chất ma túy;

b) Tiêu chuẩn 2: Khó khăn trong việc kiểm soát các hành vi sử dụng ma túy về thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc hoặc mức sử dụng;

c) Tiêu chuẩn 3: Có hiện tượng dung nạp với chất ma túy;

d) Tiêu chuẩn 4: Ngày càng trở nên thờ ơ với các thú vui hoặc sở thích khác do sử dụng chất ma túy;

đ) Tiêu chuẩn 5: Tiếp tục sử dụng ma túy mặc dù đã biết về các hậu quả có hại của chất ma túy;

e) Tiêu chuẩn 6: Có trạng thái cai ma túy (hội chứng cai ma túy) khi ngừng hoặc giảm sử dụng chất ma túy.

## **2. Quy trình chuyên môn để xác định tình trạng nghiện ma túy**

- Bước 1. Tiếp nhận người và thu thập thông tin liên quan của người cần xác định tình trạng nghiện ma túy.

- Bước 2: Khám bệnh, theo dõi lâm sàng, ghi thông tin vào hồ sơ bệnh án và Phiếu tổng hợp theo dõi để xác định tình trạng nghiện ma túy quy định.

- Bước 3: Ghi kết luận

+ Trường hợp chỉ có 01 tiêu chuẩn của tình trạng nghiện ma túy hoặc có 02 tiêu chuẩn của tình trạng nghiện chất ma túy trong đó có tiêu chuẩn 6 thì ghi kết luận “không nghiện ma túy” vào Phiếu tổng hợp theo dõi xác định tình trạng nghiện ma túy và trả ngay kết quả xác định tình trạng nghiện ma túy theo quy định.

+ Trường hợp có ít nhất 03 tiêu chuẩn của tình trạng nghiện ma túy thì ghi kết luận “có nghiện ma túy” vào Phiếu tổng hợp theo dõi để xác định tình trạng nghiện ma túy và trả ngay kết quả xác định tình trạng nghiện ma túy theo quy định.

+ Trường hợp có 02 tiêu chuẩn của tình trạng nghiện ma túy, trong đó không có tiêu chuẩn 6 hoặc các dấu hiệu theo các Tiêu chuẩn của tình trạng nghiện ma túy chưa rõ ràng thì thực hiện theo bước 4 quy định.

- Bước 4: Khám bệnh, theo dõi lâm sàng, ghi thông tin và kết luận vào hồ sơ bệnh án và các Phiếu theo dõi trong trường hợp quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này:

+ Chỉ định và tiến hành ngay việc khám bệnh, theo dõi lâm sàng để xác định tình trạng nghiện ma túy;

+ Thực hiện khám bệnh và ghi hồ sơ bệnh án;

+ Theo dõi và ghi Phiếu tổng hợp theo dõi để xác định tình trạng nghiện ma túy và các Phiếu theo dõi để xác định trạng thái cai các chất ma túy tương ứng với từng chất ma túy gồm: Phiếu theo dõi để xác định trạng thái cai các chất dạng thuốc phiện theo mẫu quy định; Phiếu theo dõi để xác định trạng thái cai các chất kích thần (các chất dạng amphetamine, cocain hoặc các chất kích thần khác) theo mẫu quy định và Phiếu theo dõi để xác định trạng thái cai cần sa theo mẫu quy định;

+ Ghi kết luận là “có trạng thái cai các chất ma túy” hoặc “không có trạng thái cai các chất ma túy” vào các Phiếu theo dõi để xác định trạng thái cai các chất ma túy tương ứng với từng chất ma túy. Kết luận về trạng thái cai các chất

ma túy được tổng hợp vào Phiếu tổng hợp theo dõi để xác định tình trạng nghiện ma túy;

+ Ghi kết luận về tình trạng nghiện ma túy vào Phiếu tổng hợp theo dõi để xác định tình trạng nghiện ma túy và hồ sơ bệnh án. Trường hợp có ít nhất 03 Tiêu chuẩn của tình trạng nghiện ma túy thì kết luận là “có nghiện ma túy”. Trường hợp không đủ 03 tiêu chuẩn của tình trạng nghiện ma túy hoặc chưa biểu hiện rõ các Tiêu chuẩn chẩn đoán do chưa đáp ứng đủ về mặt thời gian thì kết luận là “không nghiện ma túy”. Trả ngay kết quả xác định tình trạng nghiện ma túy theo quy định.

+ Trong quá trình xác định tình trạng nghiện ma túy, người cần xác định tình trạng nghiện ma túy có hội chứng cai, các rối loạn tâm thần và các bệnh kèm theo thì được khám và điều trị theo quy định hiện hành về khám bệnh, chữa bệnh.

### **3. Trả kết quả xác định tình trạng nghiện ma túy**

- Ghi kết quả vào Phiếu kết quả xác định tình trạng nghiện ma túy theo đúng kết luận tình trạng nghiện ma túy trên Phiếu tổng hợp theo dõi để xác định tình trạng nghiện ma túy.

- Kết quả xác định tình trạng nghiện ma túy được trả cho người tự nguyện đề nghị xác định tình trạng nghiện ma túy hoặc cho cơ quan Công an đề nghị xác định tình trạng nghiện ma túy trong vòng 05 ngày kể từ ngày tiếp nhận người cần xác định tình trạng nghiện ma túy.

### **4. Các dấu hiệu để xác định trạng thái cai các chất dạng thuốc phiện**

- Có bằng chứng về việc mới ngừng hoặc giảm sử dụng chất dạng thuốc phiện sau khi đã sử dụng chất này lặp đi lặp lại trong thời gian dài;

- Có ít nhất 03 trong số 12 triệu chứng cai dưới đây xuất hiện sau dấu hiệu trên đây vài phút đến vài ngày:

- + Cảm giác thèm chất ma túy;
- + Ngạt mũi hoặc hắt hơi;
- + Chảy nước mắt;
- + Đau cơ hoặc chuột rút;
- + Co cứng bụng;
- + Buồn nôn hoặc nôn;
- + Tiêu chảy;
- + Giãn đồng tử;
- + Nổi da gà hoặc ớn lạnh;
- + Nhịp tim nhanh hoặc tăng huyết áp;
- + Ngáp;

+ Ngủ không yên.

- Các triệu chứng cai này không thể quy cho một bệnh nội khoa không liên quan đến việc sử dụng chất dạng thuốc phiện và không thể quy cho một rối loạn tâm thần hoặc một rối loạn hành vi khác.

### **5. Các dấu hiệu để xác định trạng thái cai các chất kích thần (các chất dạng amphetamine, cocain hoặc các chất kích thần khác):**

- Có bằng chứng về việc mới ngừng hoặc giảm sử dụng chất kích thần sau khi đã sử dụng chất này lặp đi lặp lại trong thời gian dài;

- Có rối loạn khí sắc (buồn hoặc mất khoái cảm);

- Có ít nhất 02 trong số 06 triệu chứng cai dưới đây xuất hiện sau dấu hiệu (a) trên đây vài giờ đến vài ngày:

+ Ngủ lịm hoặc mệt mỏi;

+ Chậm chạp hoặc kích động tâm thần vận động;

+ Cảm giác thèm khát chất kích thần;

+ Tăng khẩu vị;

+ Mất ngủ hoặc ngủ nhiều;

+ Có các giấc mơ kỳ quặc khó hiểu.

- Các triệu chứng cai này không thể quy cho một bệnh nội khoa không liên quan đến việc sử dụng chất kích thần và không thể quy cho một rối loạn tâm thần hoặc một rối loạn hành vi khác.

### **6. Các dấu hiệu để xác định trạng thái cai cần sa**

- Có bằng chứng về việc mới ngừng hoặc giảm sử dụng cần sa sau khi đã sử dụng cần sa lặp đi lặp lại trong thời gian dài.

- Có ít nhất 03 trong số 07 triệu chứng cai dưới đây xuất hiện sau đây trong vòng tối đa 05 ngày:

+ Kích thích, giận dữ hoặc gây hấn;

+ Căng thẳng hoặc lo âu;

+ Rối loạn giấc ngủ (mất ngủ hoặc ác mộng);

+ Chán ăn hoặc giảm cân;

+ Đứng ngồi không yên;

+ Giảm khí sắc;

+ Ít nhất có 1 trong các triệu chứng sau: đau bụng, run rẩy, vã mồ hôi, sốt, ớn lạnh, đau đầu.

- Các triệu chứng cai này không thể quy cho một bệnh nội khoa không liên quan đến việc sử dụng cần sa và không thể quy cho một rối loạn tâm thần hoặc một rối loạn hành vi khác.

## **7. Cơ sở y tế đủ điều kiện xác định tình trạng nghiện ma túy**

Cơ sở y tế thực hiện xác định tình trạng nghiện ma túy phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh với phạm vi hoạt động chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội hoặc chuyên khoa tâm thần hoặc điều trị hỗ trợ cai nghiện ma túy hoặc điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế; cơ sở giám định pháp y tâm thần.

- Bác sỹ xác định tình trạng nghiện ma túy phải có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa tâm thần hoặc đa khoa hoặc chuyên khoa nội hoặc chuyên khoa y học cổ truyền. Trường hợp bác sỹ có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đa khoa hoặc chuyên khoa nội hoặc chuyên khoa y học cổ truyền thì phải có chứng nhận đã hoàn thành khóa tập huấn về xác định tình trạng nghiện ma túy do cơ sở có chức năng đào tạo cấp.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm để thực hiện được quy trình chuyên môn xác định tình trạng nghiện ma túy, phù hợp với hình thức tổ chức, phạm vi hoạt động chuyên môn của chuyên khoa quy định.

## **8. Địa điểm xác định tình trạng nghiện ma túy**

- Người tự nguyện xác định tình trạng nghiện ma túy tự lựa chọn cơ sở y tế đủ điều kiện thực hiện xác định tình trạng nghiện ma túy.

- Địa điểm xác định tình trạng nghiện ma túy đối với người được đề nghị xác định tình trạng nghiện ma túy thuộc các trường hợp quy định tại điểm a, b, c và d Khoản 1 Điều 27 Luật Phòng, chống ma túy thực hiện như sau:

+ Địa điểm xác định tình trạng nghiện ma túy được thực hiện tại nơi tạm giữ hành chính đối với người bị tạm giữ theo thủ tục hành chính quy định tại Luật xử lý vi phạm hành chính;

+ Địa điểm xác định tình trạng nghiện ma túy được thực hiện tại cơ sở y tế đủ điều kiện hoặc địa điểm do cơ quan công an đề nghị xác định tình trạng nghiện ma túy thống nhất với cơ sở y tế lựa chọn đối với người không bị tạm giữ theo thủ tục hành chính. Cơ quan công an có trách nhiệm phối hợp với cơ sở y tế bảo đảm đủ các điều kiện cần thiết cho việc thực hiện xác định tình trạng nghiện ma túy tại địa điểm được lựa chọn.

-----HẾT-----